

Số: /2023/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày tháng năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh  
và chương trình truyền hình trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của  
Chính phủ về việc quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản  
phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường  
xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của  
Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20 tháng 4 năm 2018 của  
Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật  
về sản xuất chương trình truyền hình;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 4 năm 2020 của  
Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật  
về sản xuất chương trình phát thanh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số  
335/TTr-STTTT ngày 23/11/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh và chương trình truyền hình trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh và chương trình truyền hình trên địa bàn tỉnh Quảng Nam quy định tại Quyết định

này quy định các mức hao phí tối đa trực tiếp trong sản xuất chương trình phát thanh và chương trình truyền hình, bao gồm: Hao phí về nhân công (chưa bao gồm hao phí về di chuyển ngoài phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mà cơ quan sản xuất chương trình phát thanh và chương trình truyền hình đóng trụ sở); Hao phí về máy móc thiết bị (bao gồm máy móc, thiết bị dùng chung); Hao phí về vật liệu sử dụng trong sản xuất chương trình phát thanh và chương trình truyền hình, đảm bảo chương trình đủ điều kiện phát sóng hoặc đăng tải lên mạng Internet theo quy định của pháp luật về báo chí.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước để tổ chức sản xuất chương trình phát thanh và chương trình truyền hình.

2. Các cơ quan báo chí được cấp phép hoạt động phát thanh, truyền hình sử dụng ngân sách nhà nước để sản xuất chương trình phát thanh và chương trình truyền hình.

3. Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến sản xuất chương trình phát thanh và chương trình truyền hình sử dụng ngân sách nhà nước.

4. Các Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện, Đài Truyền thanh cấp xã có hoạt động sản xuất chương trình phát thanh và chương trình truyền hình (theo quy định pháp luật) sử dụng ngân sách nhà nước thì áp dụng định mức theo Quyết định này.

5. Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước để sản xuất các chương trình phát thanh và chương trình truyền hình áp dụng Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định này.

## **Điều 3. Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh và chương trình truyền hình**

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình trên địa bàn tỉnh Quảng Nam áp dụng bằng 80% định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình quy định tại Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam áp dụng bằng 80% định mức kinh tế - kỹ thuật về sản

xuất chương trình phát thanh quy định tại Thông tư số 09/2020/TT-BTTTT ngày 24/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Đối với các nội dung không được quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20/4/2018 và Thông tư số 09/2020/TT-BTTTT ngày 24/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2023.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Thông tin và truyền thông, Tài chính; thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.
3. Trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định này, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, bất cập, phát sinh, cần phải sửa đổi, bổ sung; các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ TT&TT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ TP;
- Vụ pháp chế - Bộ TTTT;
- TTTU, HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, STTTT (3b), P 85.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Trí Thanh**